

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI**

NGUYỄN PHÚ LỢI^{*}

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng

Cùng với sự nghiệp đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) đã từng bước đổi mới nhận thức về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo. Bước ngoặt trong sự đổi mới tư duy lý luận của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo được đánh dấu bằng sự ra đời Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị ngày 16/10/1990 *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*.

Về nhận thức lý luận, Nghị quyết 24 nêu lên “3 luận đề” cơ bản về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng: *Một là*, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; *Hai là*, tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài và *Ba là*, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Để có được những tư tưởng đổi mới có tính “đột phá” nêu trên, Đảng CSVN tìm tòi, trăn trở trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo vào tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Trong quá trình đổi mới, tư duy lý luận của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo

tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, nhất là Nghị quyết số 25 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX) ra ngày 12/3/2003. Điều đó được thể hiện ở các nội dung cơ bản sau đây:

Một là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đây là khẩu đột phá đầu tiên trong nhận thức tư duy lý luận của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo. Quan điểm này đã đi vào vấn đề có tính “bản thể luận” của tôn giáo vì đã nêu lên và trả lời cho câu hỏi: *tôn giáo là gì?* Trước đây, tôn giáo thường được tiếp cận từ hai góc độ tư tưởng triết học và chính trị với hai định nghĩa mang tính kinh điển: “*tôn giáo là hình thái ý thức xã hội*” và “*tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*”. Đây là hướng tiếp cận đúng, nhưng chưa đủ theo quan điểm mới của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo. Bởi vì, tôn giáo không chỉ là triết học (một bộ phận của thượng tầng kiến trúc, phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan), không chỉ là vấn đề chính trị (bị

*. TS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

các thế lực chính trị xấu lợi dụng), mà tôn giáo còn là lịch sử (phản ánh tiến trình lịch sử của nhân loại), là nhận thức (giải thích về thế giới và con người), là văn hóa (góp phần hình thành nên những nền văn minh và nếp sống văn hóa của loài người), là đạo đức (góp phần điều chỉnh hành vi của con người hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ)⁽¹⁾, là lối sống (góp phần hình thành lối sống của những người có đạo) và tôn giáo là một thực thể xã hội (có lực lượng tín đồ hùng hậu, có tổ chức giáo hội, tôn giáo chân chính góp phần vào củng cố cộng đồng và sự ổn định xã hội), v.v...

Như vậy, với quan điểm nhìn nhận mới, Đảng CSVN không chỉ bó hẹp tôn giáo trong khuôn khổ của tư tưởng triết học và chính trị mà đa diện hơn, đúng với sự tồn tại và phản ánh của nó. Đây là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, thể hiện tầm sâu trong tư duy nhận thức lí luận của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo. Điều đó đã khẳng định rõ thái độ của những người CSVN về sự tôn trọng nhu cầu đời sống tâm linh của nhân dân, một nhu cầu đích thực, chính đáng của quần chúng có đạo, thể hiện sự quan tâm và bảo đảm cho những lợi ích thiết thân của đồng bào các tôn giáo. Việc tôn trọng, bảo đảm và thỏa mãn nhu cầu đời sống tín ngưỡng lành mạnh, chính đáng của họ cũng giống như việc bảo vệ các quyền lợi khác của con người như ăn, ở, mặc, bảo vệ sức khỏe, tự do, nhân quyền, dân chủ, v.v...

Hai là, từ việc khẳng định tôn giáo còn “tồn tại lâu dài” đến xác định rõ tôn giáo, tín ngưỡng “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng

chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Nếu như luận đề thứ nhất của Nghị quyết 24 đi vào vấn đề có tính “bản thể luận” của tôn giáo, thì luận đề thứ hai này lại đề cập tới “nguồn gốc và sự tồn tại” của tôn giáo. Trước đây, khi giải thích về sự ra đời, tồn tại và phát triển của tôn giáo, chúng ta thường chỉ nhấn mạnh đến hai nguồn gốc: tự nhiên và xã hội. Về nguồn gốc tự nhiên, do trình độ hiểu biết của con người còn hạn chế, không giải thích được thế giới tự nhiên, bất lực, sợ hãi trước thiên nhiên nên con người gán cho những hiện tượng tự nhiên là thần thánh, như Lenin đã chỉ rõ: sự sợ hãi đẻ ra thần thánh. Về nguồn gốc xã hội, khi xã hội hình thành đối kháng giai cấp và có sự áp bức bóc lột, thì “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, cũng giống y như sự bất lực của người dã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên đẻ ra lòng tin vào thần thánh, ma quỷ, vào những phép màu”⁽²⁾, tức là người ta tìm đến với tôn giáo để được che chở và cứu vớt.

Với quan điểm nhìn nhận mới, nguồn gốc tự nhiên và xã hội của tôn giáo vẫn đúng, nhưng chưa đủ. Vì tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển còn có những nguyên nhân khác nữa, trong đó có nguyên nhân nhận thức, tâm lí,... gắn với con người. Nhìn chung, các tôn giáo đều tập trung lí giải về những vấn đề cơ bản

1. Xem: Nguyễn Thanh Xuân. *Trở lại với những quan điểm đổi mới về công tác tôn giáo của Nghị quyết 24*, tạp chí *Công tác Tôn giáo*, số 2 (10/2005), tr. 7- 8.

2. *Lenin Toàn tập*, tập 12, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1979, tr. 169 - 170.

của triết học: con người từ đâu đến, con người đang đứng ở đâu, đặc biệt con người sau khi chết sẽ đi về đâu, mối quan hệ giữa con người khi sống và con người sau khi chết ra sao? Ở những góc độ khác nhau, các tôn giáo đều nhìn nhận thế giới sau cái chết với những lời giải thích rất hấp dẫn. Do đó, chừng nào con người chưa khắc phục được cái bi kịch lớn nhất của cuộc đời về cái chết thì tôn giáo vẫn còn cơ sở để tồn tại. Đó là chưa kể trong cuộc sống thường ngày, dù xã hội có phát triển cao đến mấy, con người cũng khó có thể tránh khỏi hết những rủi ro, bất trắc,... cơ sở cho tôn giáo tồn tại và phát triển⁽³⁾. Hơn nữa, con người đến với tôn giáo còn là sự biểu lộ niềm kính trọng, lòng biết ơn công sinh thành đối với ông bà tổ tiên, những người đã khuất, biết ơn những người có công với làng, với nước, v.v...

Như vậy, với quan điểm nhìn nhận mới, Đảng CSVN cho rằng tôn giáo còn tồn tại lâu dài, không thể đơn giản cho rằng tôn giáo sẽ mất đi một sớm một chiều khi con người có thể khám phá, chinh phục được thiên nhiên, khi đời sống vật chất được nâng cao, tức là đã giải quyết được nguồn gốc tự nhiên. Đây là một nhận định mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc của Đảng, phản ánh đúng tính tất yếu khách quan trong sự tồn tại và phát triển của tín ngưỡng, tôn giáo. Chính Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Khi nào con người không chỉ mưu sự mà còn làm cho thành sự nữa, thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào tôn giáo sẽ mất đi, và cùng với nó, bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa”⁽⁴⁾.

Từ luận đề tôn giáo còn tồn tại lâu dài, trong quá trình đổi mới, Đảng CSVN tiếp tục phát triển lên một bước mới, khẳng định rõ hơn tôn giáo “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội”. Nhận thức này có ý nghĩa lí luận và thực tiễn sâu sắc, là sự phát triển có tính sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phản ánh đúng quy luật tồn tại khách quan của tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Luận điểm này đã cụ thể hóa quan điểm “tồn tại lâu dài” của tôn giáo do Nghị quyết 24 nêu ra, nhưng phát triển rõ hơn trong mối quan hệ giữa dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên phương diện nhận thức, quan điểm này tránh được các cuộc tranh luận không cần thiết về vấn đề tôn giáo sẽ tồn tại đến khi nào? Đồng thời khắc phục được tư tưởng chủ quan, duy ý trí, nóng vội cho rằng tôn giáo sẽ mất đi nhanh chóng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tôn giáo chỉ mất đi khi những cơ sở kinh tế-xã hội, thậm chí là cả cơ sở tâm lí, nhận thức cho sự tồn tại của nó không còn nữa. Nghĩa là khi nào những cơ sở cho sự tồn tại của tôn giáo “không còn gì để phản ánh nữa”, như Ph. Ăngghen đã chỉ ra, thì khi ấy tôn giáo sẽ mất đi. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thế giới tự nhiên còn nhiều điều chưa

3. Xem: Nguyễn Thanh Xuân. *Trở lại với những quan điểm đổi mới...*, bài đã dẫn, tr. 8.

4. C. Mác, Ph. Ăngghen *Toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 439.

thể đạt đến sự hợp lí, đặc biệt mặt trái của cơ chế thị trường, như tội phạm, sự phân hóa giàu nghèo, những rủi ro, bệnh tật, môi trường sinh thái bị hủy hoại, v.v... vẫn còn là cơ sở khách quan cho tôn giáo tồn tại và phát triển trên những phạm vi nhất định. Do đó, tôn giáo vẫn còn tồn tại, khó có thể đoán định được “tuổi thọ” của tôn giáo, song chắc chắn rằng tôn giáo vẫn là một thực thể tồn tại trong chủ nghĩa xã hội.

Ba là, từ việc thừa nhận “đạo đức tôn giáo” đến khẳng định những giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của tôn giáo và sự tương đồng giữa lí tưởng tôn giáo với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, coi tôn giáo là một thành tố của văn hóa. Luận điểm này đề cập tới vai trò, chức năng và ảnh hưởng của tôn giáo. Đây là hướng tiếp cận tôn giáo chủ yếu theo tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng CSVN trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhưng được bổ sung hoàn thiện và làm sâu sắc hơn trong thời kì đổi mới. Tôn giáo trong quá trình tồn tại và phát triển luôn bộc lộ hai mặt: tích cực và tiêu cực. Trước đây do yêu cầu của cách mạng cần phải tập trung cho nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc trong điều kiện các thế lực thù địch thường lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng nên chúng ta thường nhấn mạnh đến mặt tiêu cực, hạn chế của tôn giáo, như tư tưởng yếm thế, ru ngủ con người. Nhưng quan điểm đổi mới của Đảng, bên cạnh mặt hạn chế cần khắc phục, cần trân trọng và phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, trong đó có mặt tích cực về đạo đức gắn với chủ nghĩa nhân văn. Tôn giáo có chức năng điều chỉnh hành vi xã hội của con người, hướng con người đến cái

chân, thiện, mỹ. Tín đồ các tôn giáo với niềm tin vào đấng tối cao và cuộc sống vĩnh hằng sau khi chết, lo sợ bị trừng phạt hoặc bị “quả báo” nếu phạm tội hoặc làm điều ác nên đã có hành vi đạo đức hướng thiện. Giáo lí, giáo luật và những lời răn dạy của tôn giáo đã tạo ra những quy phạm đạo đức hướng con người làm các việc thiện lành, tránh điều ác, tu nhân tích đức để được giải thoát (theo quan niệm của Phật giáo), được lên Thiên Đàng (theo quan niệm của Kitô giáo, Islam giáo). Các tôn giáo không chỉ “thiêng hóa” các quy phạm đạo đức mà còn tạo ra dư luận xã hội để điều chỉnh hành vi của tín đồ hướng về cái thiện, bài trừ cái ác. Như vậy, đạo đức tôn giáo góp phần điều chỉnh hành vi xã hội của con người.

Không dừng lại ở việc thừa nhận tính “phù hợp” của đạo đức tôn giáo với công cuộc xây dựng xã hội mới, trong quá trình đổi mới, tư duy lí luận của Đảng càng phát triển sâu sắc hơn khi khẳng định tôn giáo là một thành tố của văn hóa. Thực ra, quan điểm tôn giáo là một bộ phận của văn hóa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra ngay từ đầu những năm 40 của thế kỉ XX. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa.”⁵ Tuy nhiên, do phải tập trung cho nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc nên những ý tưởng

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 431.

của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có điều kiện để thực hiện. Khi bước vào thời kì đổi mới, tư tưởng của Người về tôn giáo nói chung, phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo nói riêng, đã được Đảng CSVN phát triển và làm rõ hơn. Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị (2/7/1998) chỉ rõ: “Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy”⁶. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* (16/7/1998), dành quan điểm thứ 8 về “*Chính sách văn hóa đối với tôn giáo*”, khẳng định: “Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo”⁷.

Tôn giáo, tín ngưỡng không đơn thuần chỉ là vấn đề thuộc về đời sống tâm linh, tinh thần, mà còn là vấn đề văn hóa, đạo đức, lối sống. Trên tinh thần ấy, Đảng CSVN coi tôn giáo là một thành tố của văn hóa, có những giá trị mà công cuộc xây dựng xã hội mới có thể tiếp thu. Điều ấy thể hiện một cách sâu sắc quan điểm thống nhất giữa lí luận và thực tiễn, giữa tôn tại xã hội với ý thức xã hội của Đảng CSVN về vấn đề tôn giáo, một lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm. Tôn giáo bên cạnh những hạn chế cũng chứa đựng nhiều yếu tố hợp lí bởi tính nhân bản, nhân văn, tính hướng thiện của nó, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, góp phần bổ sung hoàn thiện cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Hơn nữa, mọi tôn giáo chân chính đều răn dạy tín đồ hướng tới cái chân, thiện, mỹ. Đó chính là điểm tương đồng, gặp gỡ với công cuộc

đổi mới vì mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh”. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội với chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, các tôn giáo đã và sẽ có sự điều chỉnh để thích ứng với xã hội mới. Đồng bào các tôn giáo ngày càng tham gia tích cực hơn vào phong trào thi đua yêu nước xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”. Quan điểm nêu trên của Đảng đã góp phần khơi dậy, động viên được những giá trị tốt đẹp, phát huy tính tích cực, điểm tương đồng của tôn giáo với chủ nghĩa xã hội; phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo làm cho họ tự giác đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Việc khẳng định những điểm “tương đồng” giữa mục tiêu của tôn giáo với lí tưởng xã hội chủ nghĩa là một luận điểm mới có giá trị lí luận và thực tiễn sâu sắc, thể hiện sự vận dụng nhuần nhuyễn nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc khai thác, phát huy những giá trị tốt đẹp trong văn hóa, đạo đức của các tôn giáo với mục tiêu của công cuộc xây dựng xã hội mới ở nước ta hiện nay. Luận điểm này, một mặt, làm thất bại những âm mưu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch về chủ nghĩa cộng sản vô thần chống tôn giáo, vi phạm nhân quyền, dân chủ, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; mặt

6. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng. *Lí luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam (tài liệu tham khảo)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 323.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 67.

khác, hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của các tôn giáo, tạo cơ sở cho sự đồng thuận xã hội. Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” chính là điểm tương đồng, là mạch kết nối, nơi gặp gỡ giữa giá trị nhân bản trong tôn giáo với giá trị nhân văn của chủ nghĩa xã hội, có tác dụng huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Tín ngưỡng hay không tín ngưỡng là quyền tự do lựa chọn của mỗi công dân. Đấu tranh cho sự phồn vinh của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân là lí tưởng thiêng liêng chung cho mọi người, là mục tiêu mà công cuộc xây dựng xã hội mới của chúng ta đang hướng tới, đồng thời cũng chính là ước vọng mà các tôn giáo theo đuổi. Đó chính là mẫu số chung để gắn kết đồng bào các tôn giáo với toàn thể nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau: Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”⁽⁸⁾. Còn “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế, những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm”⁽⁹⁾.

Trong mỗi tôn giáo đều có những hạt nhân triết học hợp lí, có giá trị nhân văn sâu sắc, như đức “từ bi” của Phật giáo, lòng “nhân nghĩa” của đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo, tư tưởng “bác ái” của đạo Kitô, truyền thống uống nước nhớ nguồn, lòng tự hào, tự tôn dân tộc của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, là mẫu số chung - điểm tương đồng giữa văn hóa,

đạo đức, tín ngưỡng, tôn giáo với văn hóa dân tộc. Đó cũng chính là chân giá trị mà nhân loại cũng như dân tộc ta luôn hướng tới. Hồ Chủ tịch đã đúc kết một cách sâu sắc những giá trị đạo đức của các tôn giáo lớn. Người viết: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”⁽¹⁰⁾. Đại đa số đồng bào tôn giáo ở nước ta đều có tinh thần yêu nước, đồng hành cùng dân tộc trong quá trình chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước, tham gia vào xây dựng và giữ gìn bản sắc dân tộc, đó là chủ nghĩa yêu nước, dân tộc và quốc gia có chủ quyền.

Để phát huy được những điểm tương đồng ấy đòi hỏi phải kết hợp một cách biện chứng giữa lợi ích chung của sự phát triển đất nước với lợi ích cụ thể của đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo trên cả hai mặt đời sống vật chất và đời sống tinh thần, trong đó có nhu cầu về đời sống tôn giáo. Đây chính là động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào các tôn giáo nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội và thực hiện phương châm, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, tuân thủ pháp luật của các tôn giáo. Phát huy những điểm tương đồng, hướng về mục tiêu chung của công cuộc đổi mới đất nước có tác dụng huy động sức mạnh tiềm năng của đồng bào các tôn giáo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giúp đồng

8. Hồ Chí Minh. *Về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 194.

9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 225.

bào các tôn giáo đấu tranh chống các thế lực lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây mất đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Đảng CSVN khẳng định, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước khi trở thành tín đồ của một tôn giáo, họ là công dân của nước Việt Nam, cùng chung lo tới vận mệnh của dân tộc. Trên cơ sở thừa nhận tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng CSVN còn khẳng định thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền được sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật của đồng bào có đạo và sự bình đẳng giữa các tôn giáo. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trước hết là tạo điều kiện, đảm bảo cho quần chúng có đạo được tham gia sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Mặt khác, phải chăm lo đến lợi ích thiết thân của bộ phận quần chúng đặc thù này. Nghĩa là phải chủ động giải quyết một cách kịp thời những nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng chính đáng của đồng bào có đạo đúng với pháp luật. Trong đó, quan trọng nhất là chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho họ.

Bốn là, việc khẳng định “giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân” là một luận điểm mang ý nghĩa sâu sắc cả về mặt lí luận và thực

*tiễn. Quan điểm này hoàn toàn mới, có tính sáng tạo trong tư duy lí luận của Đảng CSVN về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Lần đầu tiên nội hàm của tín ngưỡng được Đảng CSVN đề cập tới một cách chính thức trong văn kiện của mình. Đây là quan điểm đúng đắn, phản ánh rõ truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với làng, với nước của nhân dân Việt Nam. Trong tâm thức của người Việt Nam, thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những có công với dân, với nước không đơn thuần chỉ là một loại hình tín ngưỡng mà cao hơn đó còn là một đạo lí “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Đó là một truyền thống lâu đời đã ăn sâu trong tiềm thức, đời sống tâm linh, văn hóa, tinh thần của mỗi người dân Việt Nam, trở thành một di sản văn hóa phi vật thể đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện lòng tự tôn, tự hào dân tộc. Chính vì vậy, các tôn giáo ngoại nhập, kể cả những tôn giáo độc thần như Công giáo khi vào Việt Nam cũng phải thừa nhận, tiếp thu loại hình tín ngưỡng truyền thống này. Trong cuốn *Văn hóa và Đổi mới*, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có một nhận xét sâu sắc về truyền thống thờ cúng tổ tiên như sau: “Từ xa xưa dân tộc ta không có tôn giáo theo nghĩa thông thường của nhiều nước khác. Còn nói tôn giáo là thờ cúng thì mọi người đều thờ cúng ông bà, mọi họ đều thờ cúng tổ tiên,... Từ góc độ văn hóa, tôi thấy đây là một đặc trưng đáng trọng của người Việt Nam, ở chỗ nó là sự tưởng nhớ những người có công trong việc tạo lập cuộc sống ngày nay trong mỗi gia đình và làng xóm”⁽¹¹⁾.*

11. Phạm Văn Đồng. *Văn hóa và Đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 75.

Việc Đảng CSVN thừa nhận những giá trị tốt đẹp của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân, có một ý nghĩa hết sức quan trọng, có tác dụng to lớn, góp phần định hướng cho các tôn giáo đồng hành, gắn bó với dân tộc. Mặt khác, việc phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên còn là nhân tố để khắc phục sự hẫng hụt, thiếu vắng trong đời sống tâm linh, văn hóa, tinh thần vốn là khoảng trống để các hiện tượng tôn giáo mới phát triển. Đoàn kết đồng bào các tôn giáo, giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân, đồng thời phải nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo; nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia. Đó là những quan điểm mang tính biện chứng sâu sắc trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, giữa xây dựng khối đoàn kết toàn dân với việc chống sự phân biệt, đối xử, chống âm mưu chia rẽ dân tộc, kích động gây rối; giữa giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp với đấu tranh loại trừ các tệ nạn mê tín hủ tục nhằm bảo đảm cho môi trường sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tôn giáo

Từ những quan điểm nhận thức mới về vấn đề tôn giáo, Nghị quyết 24 nêu lên “3 quan điểm” mới về công tác tôn giáo: *Một là*, vừa quan tâm giải quyết hợp lí

nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa cảnh giác kịp thời đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng; *Hai là*, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, và *Ba là*, công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Các quan điểm mới đó ngày càng được bổ sung, hoàn thiện qua các đại hội, hội nghị, chỉ thị tiếp theo của Đảng, nhất là Nghị quyết số 25 ra ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo.

Một là, công tác tôn giáo vừa phải quan tâm hợp lí nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa phải kịp thời đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng. Trong quan điểm này, Đảng CSVN nhấn mạnh đến hai nội dung rất quan trọng của công tác tôn giáo. Đó là chăm lo đến đời sống tôn giáo của nhân dân và đấu tranh chống chống sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch. Trên cơ sở xác định tôn giáo là tình cảm, nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng CSVN chủ trương thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Mọi người được tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào, khắc phục nhận thức thiển cận đối với tôn giáo và thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo. Tín đồ các tôn giáo được tự do sinh hoạt tôn giáo tại gia đình và nơi thờ tự theo nghi lễ truyền thống, có kinh sách để tu học, có chức sắc hướng dẫn việc đạo. Đặc biệt, Nghị quyết 24 đã mở ra việc giải quyết, công nhận về mặt tổ chức các tôn giáo nếu hội đủ các điều kiện: có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ,

mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp, chuẩn bị tốt về mặt nhân sự... Sau khi đã được công nhận, tổ chức tôn giáo được thực hiện đầy đủ theo Hiến chương, Điều lệ (hoặc giáo luật), như tổ chức đại hội, hội nghị, đào tạo, phong chức, bổ nhiệm chức sắc, xuất bản kinh sách, sản xuất đồ dùng việc đạo, xây sửa cơ sở thờ tự, quan hệ đối ngoại, v.v... Đây là quan điểm có ý nghĩa rất quan trọng để ứng xử cụ thể đối với từng tôn giáo, một mặt tạo điều kiện cho các tôn giáo hợp pháp chăm lo đời sống sinh hoạt của tín đồ, mặt khác đưa sinh hoạt tôn giáo vào khuôn khổ quản lí nhà nước, góp phần loại bỏ các tà đạo nhằm làm lành mạnh hóa sinh hoạt tôn giáo.

Bên cạnh việc chăm lo đời sống mọi mặt của đồng bào các tôn giáo, cần đấu tranh chống âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp cách mạng. Do đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam, trước đây khi xâm lược nước ta, các thế lực đế quốc đều tìm cách lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mục đích chính trị của chúng. Ngày nay, các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ việc lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, trong khi tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, Đảng CSVN chủ trương phải cảnh giác đấu tranh với những hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ gắn bó hữu cơ mật thiết với nhau. Giải quyết đúng đắn và đầy đủ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của quần chúng là làm cho đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào chế độ và sự nghiệp đổi mới đất nước, hiểu rõ âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của các thế lực xấu, từ

đó nêu cao cảnh giác để họ tự giác đấu tranh chống lại chúng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng chính đáng của mình, bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ngược lại, khi làm tốt công tác đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo sẽ tạo môi trường sinh hoạt tôn giáo lành mạnh, không bị địch lợi dụng để quần chúng yên tâm sinh hoạt tôn giáo.

Điều cần lưu ý là, khi xác định mối quan hệ hữu cơ giữa hai nhiệm vụ trên, Đảng CSVN đã đặt vấn đề giải quyết nhu cầu tôn giáo của quần chúng trước việc đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo nhằm khắc phục tình trạng có nơi, có lúc khi tập trung chống địch lợi dụng tôn giáo lại chưa quan tâm đến nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng, thậm chí có nơi còn đồng nhất quần chúng có đạo với các phần tử lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng⁽¹²⁾. Điều đó vô hình chung đã đẩy một bộ phận quần chúng có đạo về phía các thế lực lợi dụng tôn giáo.

Hai là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Đây là quan điểm thể hiện tư duy lí luận sâu sắc của Đảng CSVN về công tác quần chúng nói chung, công tác tôn giáo nói riêng. Khi nói nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, Đảng CSVN muốn nhấn mạnh đến bản chất và vai trò quyết định của công tác vận động quần chúng trong công tác tôn giáo. Suy cho cùng, công tác vận động quần chúng tín đồ là công tác đối với con người, đó là những *con người-công dân-tín đồ*. Họ là một đối tượng quần chúng đặc thù, có điểm

12. Xem: Nguyễn Thanh Xuân. *Trở lại với những quan điểm đổi mới...*, bài đã dẫn, tr. 9.

giống, nhưng cũng có điểm khác với các đối tượng quần chúng khác. Ở họ, giữa con người công dân với con người tín đồ luôn quyện chặt vào nhau, bổ xung cho nhau không thể tách rời và luôn hướng tới “tốt đời, đẹp đạo”. Trong họ, quyền lợi và nghĩa vụ song trùng giữa con người công dân có quyền lợi, nghĩa vụ với Tổ quốc và con người tín đồ có quyền lợi, bổn phận với đạo, với giáo hội của mình. Bởi vậy, công tác vận động quần chúng tín đồ không đơn thuần chỉ là công tác tuyên truyền giáo dục mà còn là công tác tập hợp tín đồ các tôn giáo trong các đoàn thể quần chúng, công tác xây dựng cốt cán, công tác đối với các chức sắc, nhà tu hành, các nhân sĩ trí thức trong các tôn giáo. Công tác vận động quần chúng còn là “tăng cường công tác giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nâng cao dân trí, nhất là ở những vùng đông đồng bào có đạo”⁽¹³⁾, tức là phải chăm lo việc ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, hưởng thụ văn hóa, v.v... để nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí cho quần chúng. Về khía cạnh tôn giáo, công tác vận động quần chúng tín đồ phải thực hiện tốt chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, chứ không phải là tuyên truyền thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng để “giải phóng” quần chúng khỏi “đám mây mù” tôn giáo; cũng không phải tốn thời gian vào các cuộc tranh luận vô bổ có hay không có Đấng tối cao, có hay không có Thiên Đường mà là vận động quần chúng tín đồ các tôn giáo xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc ngay trên thế gian này. Nói tóm lại, công tác vận động quần chúng có đạo là làm cho đồng bào được “phần xác no ấm, phần hồn thông dong”⁽¹⁴⁾. Làm được điều đó cũng

chính là đã tạo điều kiện để đồng bào có đạo tích cực tham gia xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh”.

Ba là, làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Trên cơ sở xác định công tác tôn giáo mang nét đặc thù với sự tinh tế trong nhiều mối quan hệ, không chỉ là giải quyết chính sách đối với tín đồ, ứng xử với chức sắc và tổ chức giáo hội mà còn là công tác đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo, liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Do vậy, Đảng CSVN xác định lực lượng làm công tác tôn giáo trong thời kì mới là toàn bộ hệ thống chính trị, gồm Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị... Toàn bộ hệ thống chính trị tham gia làm công tác tôn giáo, nhưng mỗi ngành tùy theo chức năng có những nhiệm vụ cụ thể. Đảng giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo thông qua chủ trương, đường lối mang tính định hướng đối với tôn giáo nói chung và đối với từng tôn giáo cụ thể. Đồng thời, thông qua mặt trận và các đoàn thể thực hiện công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng cốt cán trong tín đồ, chức sắc. Các cấp chính quyền có trách nhiệm thể chế hóa chủ trương của Đảng bằng các văn bản quy phạm pháp luật về tôn giáo; thực hiện quản lí các hoạt động tôn giáo, đưa các hoạt động tôn giáo tuân thủ các quy

13. Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, ngày 16/10/1990.

14. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 606.

định của pháp luật. Mặt khác, các cấp chính quyền còn phải chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của tín đồ các tôn giáo bằng các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo nhằm làm lành mạnh hóa các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tuyên truyền, vận động quần chúng, đưa quần chúng tín đồ các tôn giáo theo từng giới, từng lứa tuổi tham gia các đoàn thể chính trị-xã hội, các đoàn thể xã hội và các đoàn thể nghề nghiệp khác⁽¹⁵⁾.

Bốn là, việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đây là quan điểm có vị trí đặc biệt quan trọng phản ánh rõ đời sống sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta ngày càng được mở rộng cùng với quá trình đổi mới, dân chủ hóa đời sống xã hội. Nhưng đồng thời cũng xuất hiện những vấn đề phức tạp trong đời sống sinh hoạt tôn giáo cần được chấn chỉnh. Cùng với việc khẳng định quyền tự do hoạt động tôn giáo của tín đồ và các tổ chức tôn giáo hợp pháp, cần nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân chưa được nhà nước thừa nhận tư cách pháp nhân truyền đạo, nghiêm cấm việc lợi dụng hoạt động tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi cá nhân hay ép buộc người khác theo đạo. Điều đó không chỉ bảo đảm cho hoạt động tôn giáo theo pháp

luật, giữ vững tình hình chính trị-xã hội mà còn bảo vệ các tôn giáo chân chính, chống tà đạo, tạp giáo và hiện tượng mê tín dị đoan nhằm làm lành mạnh hóa môi trường sinh hoạt tôn giáo theo nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo.

Hoạt động tôn giáo, nhất là hoạt động truyền giáo luôn mang tính xã hội và ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Do đó, nó cũng phải tuân thủ và chịu sự quản lý của nhà nước thế tục. Vì vậy, bất cứ một quốc gia nào dưới những hình thức khác nhau đều có các chính sách hay pháp luật để quản lý các hoạt động tôn giáo, nhất là hoạt động truyền giáo nhằm giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống của mình.

Tóm lại, cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, dân chủ hóa đời sống xã hội, Đảng và Nhà nước ta cũng từng bước xây dựng hoàn thiện chính sách đổi mới về công tác tôn giáo theo quan điểm thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Qua đó, nhận thức tư duy lý luận và khả năng tổng kết thực tiễn về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng CSVN ngày càng phát triển. Đó là điều kiện quan trọng có tính quyết định đến sự thành công của công tác tôn giáo, góp phần vào sự ổn định và phát triển của đất nước trong thời gian vừa qua./.

15. Xem: Nguyễn Thanh Xuân. *Trở lại với những quan điểm đổi mới...*, bài đã dẫn, tr. 10.